

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 37

5
1
1
1
1

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNDKDN") số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và GCNDKDN thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 9 tháng 5 năm 2024.

Ngoài ra, Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ("GCNĐKĐT") như sau:

<i>GCNĐKĐT Số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung</i>
6131810703	Ngày 19 tháng 12 năm 2002, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Chan tại xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
5122585301	Ngày 15 tháng 1 năm 2007, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Mun tại xã Đê Ar, huyện Mang Yang; xã Bar Măih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
2326266056	Ngày 10 tháng 8 năm 2018	Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp cho Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1820/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên Hệ thống công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu "GHC".

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114, Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai – Chi nhánh TTC Bình Thuận tại Thôn Phú Thắng, Xã Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch
Ông Võ Hoàng Vinh	Thành viên độc lập
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Phong Phú	Thành viên
Ông Lê Thái Bình	Thành viên

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Hoàng Vinh	Chủ tịch
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên
Ông Lê Thái Bình	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Danh Bảo	Giám đốc
Bà Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Quốc Dũng	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thái Hà và Ông Trần Danh Bảo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Danh Bảo
Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11540951/69231595

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 14 tháng 8 năm 2024. Ngoài ra, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng đã được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		362.262.137.392	317.638.258.967
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	142.231.929.141	16.247.244.072
111	1. Tiền		7.231.929.141	11.247.244.072
112	2. Các khoản tương đương tiền		135.000.000.000	5.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		213.716.182.743	294.741.164.294
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	57.010.024.926	67.423.324.463
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		372.823.362	516.770.350
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	153.000.000.000	224.000.000.000
136	4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7	3.333.334.455	2.801.069.481
140	III. Hàng tồn kho		4.427.061.975	3.169.524.622
141	1. Hàng tồn kho	8	4.427.061.975	3.169.524.622
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.886.963.533	3.480.325.979
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.839.664.964	3.454.871.434
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	25.454.545	25.454.545
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	21.844.024	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.147.531.587.021	1.175.807.891.040
210	I. Khoản phải thu dài hạn		3.000.000.000	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	3.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		722.605.024.252	753.153.755.560
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	705.072.227.725	735.370.926.457
222	Nguyên giá		1.317.910.121.751	1.317.111.021.751
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(612.837.894.026)	(581.740.095.294)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	17.532.796.527	17.782.829.103
228	Nguyên giá		22.239.570.976	22.239.570.976
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.706.774.449)	(4.456.741.873)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		318.181.819	318.181.819
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		318.181.819	318.181.819
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		420.000.000.000	420.000.000.000
252	1. Đầu tư góp vốn công ty liên kết	12	420.000.000.000	420.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.608.380.950	2.335.953.661
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.608.380.950	2.335.953.661
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.509.793.724.413	1.493.446.150.007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		392.720.605.669	460.736.192.407
310	I. Nợ ngắn hạn		64.445.605.669	82.011.192.407
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	535.418.352	656.848.749
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	10.972.314.620	16.277.812.617
314	3. Phải trả người lao động		-	212.032.087
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		948.546.568	666.676.639
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.089.000.298	4.153.619.484
320	6. Vay ngắn hạn	16	3.300.000.000	13.800.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	44.600.325.831	46.244.202.831
330	II. Nợ dài hạn		328.275.000.000	378.725.000.000
338	1. Vay dài hạn	16	328.275.000.000	378.725.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.117.073.118.744	1.032.709.957.600
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	1.117.073.118.744	1.032.709.957.600
411	1. Vốn cổ phần		476.625.000.000	476.625.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	18.2	476.625.000.000	476.625.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		337.979.579.990	337.979.579.990
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.419.646.025	72.419.646.025
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		230.048.892.729	145.685.731.585
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		145.685.731.585	71.770.901.520
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ		84.363.161.144	73.914.830.065
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.509.793.724.413	1.493.446.150.007


Nguyễn Tiến Bằng
Người lập/Kế toán trưởng

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025


Trần Danh Bảo
Giám đốc

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	144.272.788.159	139.827.478.631
11	2. Giá vốn hàng bán	20	(61.374.140.093)	(54.095.770.094)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		82.898.648.066	85.731.708.537
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	25.885.139.691	7.542.738.608
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	21	(12.744.689.752) (12.743.905.812)	(16.958.032.138) (16.954.763.486)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(3.526.330.940)	(4.155.577.329)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		92.512.767.065	72.160.837.678
31	8. Thu nhập khác		-	500.000
32	9. Chi phí khác		-	(157.732.749)
40	10. Lỗ khác		-	(157.232.749)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		92.512.767.065	72.003.604.929
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(8.149.605.921)	(7.963.217.966)
60	13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		84.363.161.144	64.040.386.963
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.770	1.253
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	1.770	1.253

Ngày

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
GIA LẠI**

M.S.D.N: 590023656-G.T.P
TP. PLEIKU-T. GIA LẠI

Trần Danh Bảo
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		92.512.767.065	72.003.604.929
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	10,11	31.347.831.308	32.042.306.336
04	hao mòn tài sản cố định vô hình			
	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.964.856)	(10.849)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(25.880.697.745)	(7.518.308.473)
06	Chi phí lãi vay	21	12.743.905.812	16.954.763.486
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		110.719.841.584	113.482.355.429
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		10.145.360.359	(10.076.081.596)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(1.257.537.353)	161.521.502
11	Giảm các khoản phải trả		(51.730.489)	(2.721.537.596)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		2.342.779.181	(1.351.452.249)
14	Tiền lãi vay đã trả		(12.907.655.843)	(17.118.917.946)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.280.352.239)	(19.635.597.864)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.600.122.900)	(3.756.274.800)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		94.110.582.300	58.984.014.880
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(799.100.000)	(32.727.273)
23	Tiền chi cho vay		(70.000.000.000)	(104.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		138.000.000.000	46.500.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.694.720.813	7.514.013.815
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		92.895.620.813	(50.518.713.458)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền thu từ đi vay		1.623.841.064	-
36	Tiền trả nợ gốc vay		(62.573.841.064)	(18.150.000.000)
	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(75.482.900)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(61.025.482.900)	(18.150.000.000)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		125.980.720.213	(9.684.698.578)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		16.247.244.072	23.946.637.930
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.964.856	10.849
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	142.231.929.141	14.261.950.201

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025


Nguyễn Tiến Bằng
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Danh Bảo
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNDKDN") số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002 và GCNDKDN thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 9 tháng 5 năm 2024.

Ngoài ra, Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ("GCNDKĐT") như sau:

<i>GCNDKĐT Số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung</i>
6131810703	Ngày 19 tháng 12 năm 2002, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Chan tại Xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
5122585301	Ngày 15 tháng 1 năm 2007, thay đổi lần 2 vào ngày 13 tháng 10 năm 2015	Do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp cho Dự án Nhà Máy Thủy Điện H'Mun tại Xã Đê Ar, huyện Mang Yang; Xã Bar Măih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 8 tháng 12 năm 2006, là ngày được cấp có thẩm quyền cho thuê đất.
2326266056	Ngày 10 tháng 8 năm 2018	Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp cho Dự án Nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 có thời hạn hoạt động là 50 năm kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1820/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu GHC.

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 114, Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai – Chi nhánh TTC Bình Thuận tại Thôn Phú Thắng, Xã Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 71 (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 72).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nhiên liệu, phụ tùng và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	32 - 43 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Khác	2 - 19 năm

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 8 tháng 11 năm 2019.

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Vốn góp của chủ sở hữu* (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
Tiền gửi ngân hàng	7.231.929.141	11.247.244.072
Các khoản tương đương tiền (*)	135.000.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	142.231.929.141	16.247.244.072

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng với lãi suất từ 3,8% đến 4%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
Phải thu từ các bên khác		
Công ty Mua Bán Điện	29.426.192.653	38.753.519.095
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	27.054.583.560	28.160.580.908
Khách hàng khác	529.248.713	509.224.460
TỔNG CỘNG	57.010.024.926	67.423.324.463

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	VND
Ngắn hạn			
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 25)	153.000.000.000	224.000.000.000	
	153.000.000.000	224.000.000.000	
Dài hạn			
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 25)	3.000.000.000	-	
	3.000.000.000	-	
TỔNG CỘNG	156.000.000.000	224.000.000.000	

Chi tiết số dư cuối kỳ của các khoản cho vay như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Mục đích cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Bên liên quan (Thuyết minh số 25)					
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	142.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Từ 3 tháng đến 24 tháng	8%	Tín chấp
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thương Lộ	14.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	3 tháng	8%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	156.000.000.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
Tạm ứng cho nhân viên	3.110.074.180	2.764.083.180
Ký quỹ, ký cược	20.000.000	20.000.000
Khác	203.260.275	16.986.301
TỔNG CỘNG	3.333.334.455	2.801.069.481

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
Công cụ, dụng cụ	3.471.189.545	2.547.657.382
Nhiên liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế	955.872.430	621.867.240
TỔNG CỘNG	4.427.061.975	3.169.524.622

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
Ngắn hạn	1.839.664.964	3.454.871.434
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	1.153.952.238	2.495.421.796
Chi phí bảo hiểm	587.496.912	780.674.810
Khác	98.215.814	178.774.828
Dài hạn	1.608.380.950	2.335.953.661
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	1.540.130.756	2.319.420.171
Công cụ, dụng cụ	68.250.194	16.533.490
TỔNG CỘNG	3.448.045.914	5.790.825.095

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
						VND
Nguyên giá:						
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	421.960.274.528	775.176.147.222	53.528.863.438	2.497.992.590	63.947.743.973	1.317.111.021.751
Mua mới trong kỳ	-	-	-	799.100.000	-	799.100.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	421.960.274.528	775.176.147.222	53.528.863.438	3.297.092.590	63.947.743.973	1.317.910.121.751
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	29.293.509.134	7.147.982.913	2.570.563.665	367.883.314	16.972.951.155	56.352.890.181
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	(212.772.746.389)	(301.761.930.559)	(17.993.392.457)	(1.895.938.326)	(47.316.087.563)	(581.740.095.294)
Khấu hao trong kỳ	(8.663.118.691)	(19.475.152.345)	(1.235.090.496)	(209.812.794)	(1.514.624.406)	(31.097.798.732)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	(221.435.865.080)	(321.237.082.904)	(19.228.482.953)	(2.105.751.120)	(48.830.711.969)	(612.837.894.026)
Giá trị còn lại:						
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	209.187.528.139	473.414.216.663	35.535.470.981	602.054.264	16.631.656.410	735.370.926.457
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	200.524.409.448	453.939.064.318	34.300.380.485	1.191.341.470	15.117.032.004	705.072.227.725

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 620.486.159.567 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (*Thuyết minh số 16.1*).

Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, TSCĐ hữu hình tại Nhà máy Thủy điện H'Chan với tổng giá trị còn lại là 16.290.839.807 VND đang được dùng để làm tài sản thế chấp cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ("Công ty mẹ").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 1 tháng 1 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2025	20.980.986.631	1.258.584.345	22.239.570.976
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	1.258.584.345	1.258.584.345
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	(3.198.157.528)	(1.258.584.345)	(4.456.741.873)
Hao mòn trong kỳ	(250.032.576)	-	(250.032.576)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	(3.448.190.104)	(1.258.584.345)	(4.706.774.449)
Giá trị còn lại:			
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	17.782.829.103	-	17.782.829.103
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	17.532.796.527	-	17.532.796.527
(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, quyền sử dụng đất của Công ty với tổng giá trị còn lại là 16.168.567.783 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)			

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2025</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	420.000.000.000	420.000.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 1 tháng 1 năm 2025		
			Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá trị gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá trị gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Tỉnh Vĩnh Long	Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện	29,72	250.000.000.000	-	29,72	250.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió la Bang	Tỉnh Gia Lai	Xây dựng và lắp đặt hệ thống điện	39,53	170.000.000.000	-	39,53	170.000.000.000	-
TỔNG CỘNG				420.000.000.000	-		420.000.000.000	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết này chưa được xem xét và xác định chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
Phải trả cho các bên khác		
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Nhật Quang	430.542.033	144.878.708
Công ty TNHH phòng cháy chữa cháy Gia Thịnh	-	418.000.000
Nhà cung cấp khác	104.876.319	93.970.041
TỔNG CỘNG	535.418.352	656.848.749

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.280.352.235	8.159.285.104	(13.280.352.239)	8.159.285.100
Thuế tài nguyên	1.210.619.248	2.764.482.940	(2.786.627.201)	1.188.474.987
Thuế giá trị gia tăng	1.722.922.978	11.342.512.598	(11.440.881.043)	1.624.554.533
Thuế thu nhập cá nhân	63.918.156	-	(63.918.156)	-
Thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
TỔNG CỘNG	16.277.812.617	22.273.280.642	(27.514.860.483)	10.972.314.620
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	25.454.545	-	-	25.454.545
Thuế thu nhập cá nhân	-	(209.557.523)	231.401.547	21.844.024
TỔNG CỘNG	25.454.545	(209.557.523)	231.401.547	47.298.569

15. PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
Cổ tức phải trả	3.660.874.426	3.736.357.326
Phí bảo vệ môi trường rừng	388.220.364	414.414.792
Khác	39.905.508	2.847.366
TỔNG CỘNG	4.089.000.298	4.153.619.484

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Vay trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ngắn hạn					
Vay ngân hàng đến hạn phải trả (Thuyết minh số 16.1)	13.800.000.000	-	(44.650.000.000) (1.623.841.064)		3.300.000.000
Vay ngân hàng	-	1.623.841.064		-	-
Dài hạn					
Vay ngân hàng	378.725.000.000	-	(16.300.000.000)	(34.150.000.000)	328.275.000.000
TỔNG CỘNG	392.525.000.000	1.623.841.064	(62.573.841.064)	-	331.575.000.000

16.1 Vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/ năm)	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay
	VND				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Gia Lai	319.200.000.000	Theo lịch trả nợ của hợp đồng và kết thúc vào ngày 29 tháng 1 năm 2030	(*)	TSCĐ hữu hình và quyền sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2 (Thuyết minh số 10)	Đầu tư vào dự án Nhà máy Điện mặt trời TTC – Hàm Phú 2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Gia Định	12.375.000.000	Theo lịch trả nợ của hợp đồng và kết thúc vào ngày 25 tháng 3 năm 2029	(**)	TSCĐ hữu hình của các dự án điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Đại Ân 3, Bàu Cạn 2; quyền sử dụng đất của dự án Bàu Cạn 2 (Thuyết minh số 10); và tài sản của các đối tượng kinh doanh	Đầu tư vào dự án Điện mặt trời áp mái Hậu Giang 3, Bàu Cạn 2, và Đại Ân 3
TỔNG CỘNG	331.575.000.000				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn phải trả	3.300.000.000				
Vay dài hạn	328.275.000.000				

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp tục)

16.1 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

- (*) Lãi suất 7,8%/năm được cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong những năm tiếp theo, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm với thời hạn 12 tháng bằng Đồng Việt Nam do Vietcombank - Chi nhánh Gia Lai thông báo cộng biên lãi suất 2,6%/năm. Lãi suất tại thời điểm cuối kỳ là 7,2%/năm (tại ngày đầu năm là: 7,2%/năm).
- (**) Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo lãi suất do BIDV - Chi nhánh Gia Định thông báo. Lãi suất tại thời điểm cuối kỳ là 8,4%/ năm (tại ngày đầu năm là: 8,4%/năm).

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND
Số đầu kỳ	46.244.202.831	39.101.970.707	
Trừ: Sử dụng quỹ	(1.643.877.000)	(3.756.274.800)	
Số cuối kỳ	44.600.325.831	35.345.695.907	

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào Ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2024	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	71.770.901.520	958.795.127.535
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	64.040.386.963	64.040.386.963
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	135.811.288.483	1.022.835.514.498
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2025	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	145.685.731.585	1.032.709.957.600
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	84.363.161.144	84.363.161.144
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	230.048.892.729	1.117.073.118.744



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	%
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	29.804.891	298.048.910.000	62,53
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.350.000	13.500.000.000	2,83
Các cổ đông khác	16.507.609	165.076.090.000	34,64
TỔNG CỘNG	47.662.500	476.625.000.000	100

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	476.625.000.000	476.625.000.000

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
Cổ phiếu đăng ký phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	47.662.500	47.662.500
Cổ phiếu bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	47.662.500	47.662.500
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	47.662.500	47.662.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu bán điện	143.423.608.143	139.111.119.435
Doanh thu khác	849.180.016	716.359.196
TỔNG CỘNG	144.272.788.159	139.827.478.631

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Cổ tức được chia	17.000.000.000	-
Lãi cho vay (Thuyết minh số 25)	8.497.835.621	7.333.304.106
Lãi tiền gửi	382.862.124	185.004.367
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán	3.964.856	10.849
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	477.090	24.419.286
TỔNG CỘNG	25.885.139.691	7.542.738.608
Trong đó		
Doanh thu đối với bên khác	387.304.070	209.434.502
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)	25.497.835.621	7.333.304.106

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn bán điện	61.374.140.093	54.095.770.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí lãi vay	12.743.905.812	16.954.763.486
Lỗ chênh lệch tỷ giá	783.940	3.268.652
TỔNG CỘNG	12.744.689.752	16.958.032.138

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí nhân công	1.763.536.266	1.967.526.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.800.971	445.847.084
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	127.872.453	73.285.014
Chi phí khấu hao và hao mòn	58.683.522	209.285.398
Chi phí khác	1.272.437.728	1.459.633.296
TỔNG CỘNG	3.526.330.940	4.155.577.329

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí khấu hao và hao mòn	31.347.831.308	32.042.306.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.017.041.198	12.826.969.272
Chi phí nhân công	7.275.249.736	6.786.152.521
Chi phí khác	7.260.348.791	6.595.919.294
TỔNG CỘNG	64.900.471.033	58.251.347.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty như sau:

- Mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh bán điện từ các Dự án Nhà máy điện mặt trời ("Các dự án") trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các dự án được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN trong chín (9) năm tiếp theo; và
- Mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế áp dụng cho các hoạt động kinh doanh khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.149.605.921	7.963.217.966

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.512.767.065	72.003.604.929
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán:		
Chi phí không được khấu trừ	1.756.184.289	1.749.451.227
Cổ tức được chia	(17.000.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	77.268.951.354	73.753.056.156
Thuế tính ở thuế suất 20%	5.727.783.381	5.700.753.544
Thuế tính ở thuế suất 10%	4.863.003.445	4.524.928.844
	10.590.786.826	10.225.682.388
Thuế được miễn hoặc giảm	(2.440.849.187)	(2.262.464.422)
Chi phí thuế TNDN	8.149.605.921	7.963.217.966

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng Lượng Điện Cao Nguyên	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Công ty thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Định	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Du lịch TTC	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA	Bên liên quan của cổ đông lớn

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Mua hàng hóa và dịch vụ	9.341.505.309	8.413.920.000
	Nhận chi hộ	47.019.676	44.233.004
	Chi hộ	149.722	281.203
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	Thu hồi nợ	45.000.000.000	19.000.000.000
	Cho vay	28.000.000.000	19.000.000.000
	Cổ tức được chia	17.000.000.000	-
	Lãi cho vay	825.041.096	421.315.066
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	Thu hồi nợ	39.300.000.000	12.000.000.000
	Lãi cho vay	394.306.850	617.391.780
	Cho vay	-	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện Cao Nguyên	Cho vay	30.000.000.000	-
	Thu hồi nợ	30.000.000.000	-
	Lãi cho vay	589.315.068	-
Công ty Cổ phần Hợp tác Phát triển Năng lượng Tái tạo VIJA	Thu hồi nợ	9.000.000.000	5.000.000.000
	Cho vay	9.000.000.000	-
	Lãi cho vay	122.794.521	144.657.533
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	Thu hồi nợ	8.000.000.000	7.000.000.000
	Lãi cho vay	5.898.739.728	5.161.972.603
	Cho vay	3.000.000.000	10.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong kỳ này và kỳ trước bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	Thu hồi nợ Lãi cho vay	6.700.000.000 667.638.358	3.500.000.000 987.967.124
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Y tế DHA	Mua hàng hóa và dịch vụ	64.370.000	-
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	48.214.112	70.418.701
Công ty Cổ phần Chè Thành Ngọc	Mua hàng hóa và dịch vụ	44.961.280	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Mua hàng hóa và dịch vụ	42.992.761	11.249.999
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Mua hàng hóa và dịch vụ	14.371.629	20.398.148
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Định	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	69.653.436
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	10.300.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2025</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i>		
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	139.000.000.000	147.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Lộ	14.000.000.000	20.700.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng VPL	-	39.300.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	-	17.000.000.000
	<u>153.000.000.000</u>	<u>224.000.000.000</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 6)</i>		
Công ty Cổ phần Nhà máy Điện Mặt trời Trúc Sơn	<u>3.000.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Các khoản thù lao cho Hội đồng quản trị			
Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch	240.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Phong Phú	Thành viên	180.000.000	62.727.273
		420.000.000	302.727.273
Các khoản thù lao cho Ủy ban kiểm toán			
Ông Võ Hoàng Vinh	Chủ tịch	180.000.000	180.000.000
Ông Lê Thái Bình	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Mai Văn Định	Thành viên	-	117.272.727
		540.000.000	657.272.727
Thu nhập của Ban Giám đốc và các vị trí quản lý khác			
Ông Trần Danh Bảo	Giám đốc	318.882.000	283.450.667
Ông Ngô Trường Thạnh	Giám đốc	-	72.307.000
Bà Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc	85.410.000	49.926.000
Ông Lê Quang Quốc Dũng	Phó Giám đốc	130.521.758	119.040.237
Ông Nguyễn Tiến Bằng	Kế toán trưởng	200.672.000	201.057.000
		735.485.758	725.780.904

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND		
	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (đã trình bày trước đây)	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	84.363.161.144	64.040.386.963	64.040.386.963
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(4.321.665.869)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	84.363.161.144	64.040.386.963	59.718.721.094
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	47.662.500	47.662.500	47.662.500
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1.770	1.344	1.253

(*) Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty chưa có quyết định phê duyệt trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực tế trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 26 tháng 4 năm 2025.

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện thuê văn phòng và các dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 1 tháng 1 năm 2025
Dưới 1 năm	73.920.000	147.840.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang có một số hợp đồng thuê đất từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án năng lượng của Công ty. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền tại các địa điểm thuê sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án năng lượng là chưa chắc chắn bởi vì căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành, Công ty chưa xác định được liệu rằng Công ty sẽ chịu chi phí tháo dỡ tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của Nhà nước hay Nhà nước sẽ thu hồi đất cùng với tài sản gắn liền với đất và có quyền sử dụng hoặc chuyển giao cho đơn vị thuê tiếp theo. Do đó, Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ liên quan đến các hợp đồng thuê đất này trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2025


Nguyễn Tiến Bằng
Người lập/Kế toán trưởng


Trần Danh Bảo
Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn